

MÔ HÌNH NHÀ NƯỚC PHÚC LỢI

Chương 1: Những vấn đề chung về NNPL

- **Phúc lợi:**

- Phúc lợi gắn với lợi ích
- Phúc lợi gắn với biện pháp (cs') giải quyết các vấn đề về kinh tế hoặc điều kiện sống của con người
- Vĩ mô: Giải quyết các vấn đề của xã hội: xóa đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống, y tế, giáo dục
- Vi mô: Gắn với cuộc sống của một tổ chức để giải quyết các vấn đề của con người trong tổ chức đó.

- **PLXH**

- **PLXH** ko chỉ đảm bảo cho các đối tượng ko có cơ may, bị tổn thương mà là cho toàn dân nhằm cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống.

- **Đặc điểm:**

- + Đối tượng: trước hết người có hoàn cảnh đặc biệt, sau đó là các thành viên khác của xã hội
- + Mục tiêu: Nâng cao đời sống và cải thiện các mqh xã hội giữa các tầng lớp dân cư
- + Nội dung và biện pháp: phân phối lại của nhà nước và cộng đồng.

?_Phân biệt PLXH và ASXH

ASXH: là sự bảo vệ mà xã hội cung cấp cho thành viên của mình thông qua một số biện pháp được áp dụng rộng rãi để đương đầu với những khó khăn, các cú sốc về kinh tế và xã hội, làm mất hoặc suy giảm nghiêm trọng do ốm đau, thai sản, thương tâm do lao động, mất sức lao động, hoặc tử vong, cung cấp chăm sóc y tế và trợ cấp cho gia đình nạn nhân, trẻ em.

PLXH: là bộ phận thu nhập của quốc gia, được dùng để thỏa mãn nhu cầu vật chất tinh thần của các thành viên trong xã hội, chủ yếu mang tính bao cấp và được phân phối ngoài thu nhập lao động. Nói tóm lại, ASXH là phương tiện cần thiết điều chỉnh việc phân phối thu nhập xã hội, khắc phục dần những khác biệt giữa thành

thị và nông thôn, giữa lao động trí óc và lao động chân tay, mang đến lợi ích cho toàn xã hội.

- giữa ASXH và PLXH có cùng một mục tiêu hướng đến là một xã hội hưng thịnh và hạnh phúc cho mọi người

PLXH	ASXH
- Giảm bớt sự bất công trong xã hội, hướng tới sự công bằng - Đảm bảo đời sống - Nâng cao đời sống chung của tất cả mọi người - Nhằm khắc phục những thất bại khiếm khuyết của thị trường - PLXH tập trung vào nhóm người yếu thế, nhóm người thiệt thòi trong xã hội nhiều hơn nhằm hướng tới sự công bằng xã hội. - phân phối ngoài thu nhập theo lao động lại là chủ yếu. - Là động lực để tăng trưởng kte và pt xã hội	- Góp phần đảm bảo thu nhập - Bảo vệ xã hội - Nguồn vốn Công cộng - Chống lại khó khăn: ốm đau, thất nghiệp, tai nạn... - Gồm: Bảo hiểm xã hội; Trợ giúp xã hội; Trợ cấp gia đình; Các dịch vụ xã hội khác được tài trợ bằng nguồn vốn công cộng... - Bao gồm từ sự đóng góp của các bên tham gia vào một quỹ nhất định (quỹ BHXH), từ ngân sách nhà nước, thông qua thuế (cho các trợ cấp xã hội) hoặc cũng có thể từ sự đóng góp của các nhà hảo tâm (trong các hoạt động trợ giúp xã hội)... - phân phối trong thu nhập theo lao động là chủ yếu (đặc biệt là đối với BHXH)

NNPL

Quan niệm 1: NNPL là 1 nhà nước chịu trách nhiệm chính trong việc cung ứng toàn bộ phúc lợi cho các công dân

=> Hiện nay trên thế giới chỉ có 1 vài nước có khả năng thực hiện được – làm hẹp đi phạm vi của NNPL

Quan niệm 2: NNPL là 1 tập hợp thể chế và chính sách công nhằm mục đích cung cấp sự bảo trợ xã hội cho công dân.

=> Mang tính mở, thể chế chính sách của nhà nước đối với vấn đề phúc lợi

- Trong nhiều “nhà nước phúc lợi” PL ko chỉ do nhà nước cung cấp mà là do 1 nỗ lực kết hợp giữa các dịch vụ của chính phủ của các tổ chức tự nguyện và của các cá nhân độc lập

- NNPL là nhà nước có những hệ thống bảo hộ xã hội rộng rãi và những chính sách làm giảm sự bất bình đẳng về kte và xã hội

?_ Tại sao hệ thống PLXH chính thức xuất hiện ở C.Âu

- 1850 bắt đầu xuất hiện ở Đức (quỹ ốm đau)

- 1880 pt quỹ thành bảo hiểm xh

- Đầu tk XX lan ra các nước C.Âu, Mỹ La tinh, Bắc Mỹ

- Sau c. tranh TG thứ 2 lan ra các nc C.Á...

- **Cm công nghiệp C.Âu => xuất hiện giai cấp lđ ms: Giai cấp công nhân**

Giai cấp công nhân	Giai cấp nông dân
- Ng lđ bị tách hoàn toàn tư liệu sx, bán sức lđ (nhưng ko ổn định) vì phụ thuộc vào biến động TT => ảnh hưởng trực tiếp đến ng lđ: thất nghiệp, ốm, tai nạn lđ, già yếu...	- Sở hữu tư liệu sx sống cộng đồng làng xã - Cưu mang tương trợ lẫn nhau - Già vẫn có thể trông rọt

- Sự hoàn thiện KTTT với những mặt trái của nó

=> Xuất hiện hệ thống PLXH chính thức ở C.Âu để bảo vệ giai cấp công nhân

?_ Vai trò của NNPL đối với tăng trưởng kt và Pt xh

Tăng trưởng kt	Pt xã hội
- Đầu tư cơ sở hạ tầng - Luật pháp: Đảm bảo quyền lợi giữa: ng mua- ng bán, chủ- ng làm, quyền sở hữu tư nhân... - Đảm bảo năng lực cạnh tranh của các DN => NNPL: Tạo lập sân chơi bình đẳng	- ban hành sd hệ thống thuế, luật pháp điều lệ, hình phạt giảm thiểu tệ nạn xh - Nâng cao chất lượng cuộc sống ng dân - Nâng cao trình độ văn hóa ng dân - giảm phân hóa giàu nghèo, bất bình đẳng giới

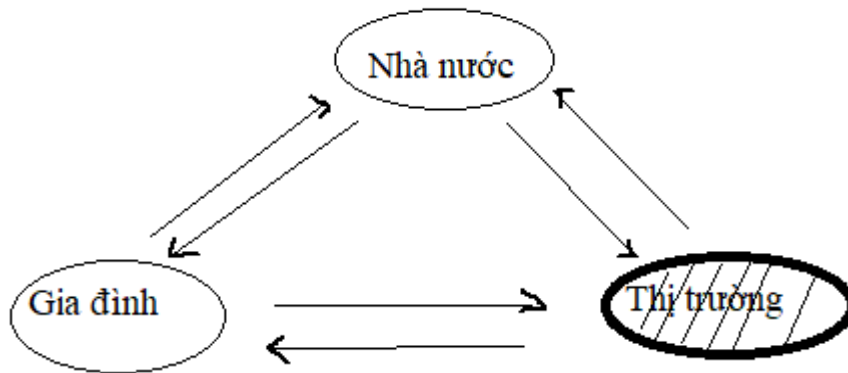
cho tất cả các DN trong toàn bộ nền kte - Phân phối lại thu nhập, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo thông qua c/s thuế (thuế thu nhập) - Chú trọng: giáo dục, y tế, an sinh => Nguồn lực lđ chất lượng - Pt cơ sở hạ tầng: trường học, trạm xá... - Đảm bảo đ/s mọi ng dân đc đáp ứng nhu cầu tối thiểu nhất => Sự pt trở nên hài hòa và bền vững => điều kiện tiên quyết để có thể duy trì tăng trưởng - Động lực lđ - tạo ra và duy trì nguồn lực lđ	- Tạo nên sự đồng thuận giữa các giai tầng x, thúc đẩy pt bền vững - Giảm nghèo - Ổn định xh - Hướng tới xh bình đẳng, công bằng
--	---

MÔ HÌNH NNPL KIỂU ANGLO SAXON

1. Quá trình hình thành và vai trò của NNPL kiểu anglo-saxon

- Quá trình hình thành nhà nước phúc lợi ở Anh
- + 1601: Đạo luật cứu tế người nghèo (nhà ở, y tế)
- + Thế kỷ XVIII – XIX: phát triển dịch vụ y tế tư nhân, y tế từ thiện
- + 1848: Đạo luật sức khỏe công cộng
- + 1911: Đạo luật bảo hiểm sức khỏe quốc gia
- + 1946: Đạo luật dịch vụ sức khỏe qgia
- Quá trình hình thành NNPL ở Mỹ
- + 1776: Giành độc lập thành lập ctrinh hưu trí QG lần thứ nhất (cho quân nhân)
- + 1882: sau nội chiến- ctrinh hưu cho công nhân công nghiệp
- + 1935: Sau đại khủng hoảng kt – Đạo luật ASXH (đóng góp tự nguyện chocacs quỹ hưu trí)
- + 1939: ASXH cho cá nhân và gđ (mức chi trả thấp)

2. Đặc điểm



- **Thị trường** là yếu tố quyết định
 - **Chủ thuyết kinh tế của mô hình:** kinh tế thị trường tự do
 - **Triết lý:** phúc lợi càng cao càng làm giảm động lực lao động
 - + Thị trường là nhân tố trung tâm, quyết định đối với việc cung ứng phúc lợi xã hội
 - + Trợ giúp xã hội dựa vào sự thẩm tra thu nhập
 - + Nhà nước chỉ bảo đảm cho những chương trình bảo hiểm xã hội hạn hẹp
 - + Các khoản tiền trợ cấp thường rất thấp
- => Đề cao thị trường và khu vực tư nhân trong cung ứng PL

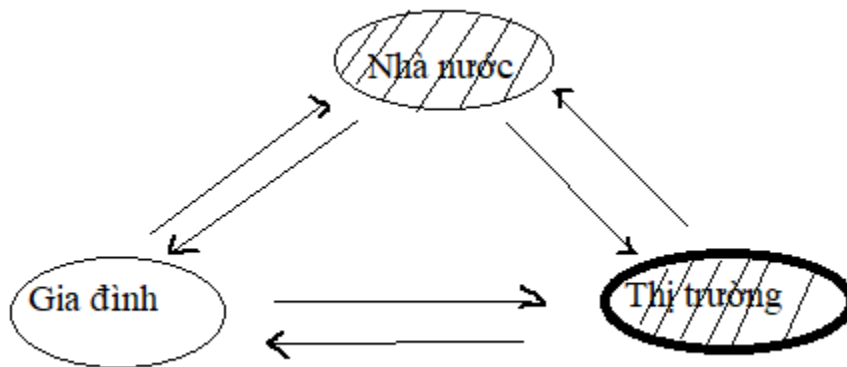
Theo Esping Andersen (1990)

- Mức độ Phi hàng hóa hóa sức lao động thấp
- Tỷ lệ LĐ nữ tham gia thị trường lao động cao
- Mức thuế thu nhập cá nhân thấp hơn các mô hình khác
- PLXH phân bổ cơ bản theo cơ chế thị trường
- Bảo hiểm xã hội tự nguyện là hình thức cơ bản
- Khuyến khích sự tham gia của các tổ chức từ thiện vào hoạt động cung cấp phúc lợi xã hội
- Tỷ trọng tham gia của nhà nước vào cung cấp phúc lợi xã hội nhỏ và theo cơ chế thẩm tra thu nhập
- Mức độ phân tầng cao

Ưu điểm	Nhược điểm
- Khu vực tư nhân trở thành một lực lượng chính cho quỹ PLXH giúp Chính phủ bớt gánh nặng về tài chính - Đảm bảo sự phân phối PLXH đa dạng nâng cao chất lượng phục vụ công cộng của Chính phủ - Cạnh tranh trên thị trường cung ứng PLXH: đa dạng, giá, chất lượng dịch vụ...mở rộng khả năng lựa chọn cho người thụ hưởng - Tạo và duy trì động lực lao động - Thẩm tra tài sản đúng đối tượng	- Khi nền kinh tế gặp khủng hoảng nhà nước không đủ điều tiềm lực để đảm bảo ASXH trong điều kiện kt khó khăn - Phúc lợi của người lao động bị phụ thuộc quá nhiều vào thị trường => rủi ro cao - Gia tăng khoảng cách giàu nghèo và bất bình đẳng (phân tầng xã hội Cao) - Mất thể diện của đối tượng hưởng trợ giúp xã hội

MÔ HÌNH NNPL KIỂU CHÂU ÂU LỤC ĐỊA

1. Chủ thuyết kinh tế và đặc điểm của mô hình nhà nước Phúc Lợi châu Âu lục Địa



- Nhấn mạnh: **Nhà nước và thị trường**
 - Chủ thuyết kinh tế của mô hình: KTTT xã hội
 - Triết lý: Kết hợp sức mạnh nhà nước với thị trường, đảm bảo hiệu quả kte và công bằng xh
 - KTTT xã hội: 3 nguyên tắc cơ bản:
- + Bảo đảm tự do cạnh tranh, không có sự tham gia của độc quyền

- + Bảo đảm sự bền vững của sở hữu tư nhân về TLSX, đảm bảo tính độc lập về kte và trách nhiệm của các chủ thể kinh doanh
- + Chống lại những can thiệp sai của nhà nước, nhưng thừa nhận những chức năng của nhà nước

_ Bản chất

- Là một mô hình kinh tế - xã hội trong đó các chức năng kinh tế và các chức năng xã hội quyện chặt với nhau
- Cạnh tranh có hiệu quả là một nguyên tắc cơ bản song muốn cạnh tranh có hiệu quả lại cần sự can thiệp của nhà nước
- Nhà nước can thiệp vào kinh tế dựa trên nguyên tắc hỗ trợ và tương hợp
- Quy định rõ quyền và trách nhiệm của các cá nhân, các chủ thể kinh tế và Nhà nước về nhiệm vụ thực hiện công bằng xã hội
- Nói một cách khác là nền tảng và triết lý của nhà nước Phúc Lợi được thể hiện trong những quy định này

Đặc điểm: tính gia trưởng (bảo thủ) – Tính nghiệp đoàn

- Tính gia trưởng (bảo thủ)

- + Nguồn gốc từ xã hội thái ấp phong kiến và trong chế độ quân chủ chuyên chế của Châu Âu
- + Một dấu ấn là truyền thống ở một số quốc gia(Áo, Đức, Pháp) cung cấp cho các công chức nhà nước những khoản PLXH vô cùng rộng rãi
- + Hai là việc cứu trợ dành cho người nghèo có tính chất nhân đạo và hào phóng hơn so với chủ nghĩa tự do kinh tế

- Tính nghiệp đoàn

- + Bắt nguồn từ truyền thống nghề nghiệp, các phường hội trong nền kinh tế thành thị thời trung cổ ở Tây Âu
- + Chủ nghĩa nghiệp đoàn phát triển thành một đặc điểm quan trọng của nhà nước phúc lợi bảo thủ để ứng phó với sự phân đoạn thị trường và chủ nghĩa cá nhân do KTTT và nền đại công nghiệp tạo ra

- + Nghiệp đoàn là một tập hợp của những người có cùng bản sắc địa vị xã hội, tư cách thành viên bắt buộc và duy nhất, sự tương hỗ về lợi ích và độc quyền về đại diện
- + Trong mô hình nhà nước phúc lợi bảo thủ nhà nước thừa nhận các đặc quyền cụ thể của các vị trí xã hội.
- + Ở các nước theo mô hình này đã tồn tại một truyền thống xây dựng các chương trình phúc lợi xã hội phức tạp trên cơ sở địa vị xã hội

?_ Tại sao mô hình nghiệp đoàn này lại được các nước châu Âu lục địa ủng hộ

- Công nghiệp hóa muộn các truyền thống phường hội được duy trì lâu dài
- Lực lượng phân biệt địa vị xã hội, trật tự xã hội và các đặc quyền có vị thế mạnh mẽ hơn hẳn ở các nước khác
- Nhà thờ Thiên Chúa Giáo ủng hộ sự kết hợp giữa chủ nghĩa Quyền Lực Tuyệt Đối của nhà nước (gia trưởng) và chủ nghĩa nghiệp đoàn

Theo Esping Andersen (1990)

- Các quyền xã hội luôn đi đôi với các giai cấp và các vị thế
 - Nhà nước và các nghiệp đoàn Lao động cung ứng các dịch vụ PLXH, hệ thống bảo hiểm tư nhân chỉ đóng vai trò mờ nhạt
 - Nặng tính chất nghiệp hội
 - Dựa nhiều vào các tổ chức của Giáo hội (ảnh hưởng của Thiên Chúa Giáo)
 - Mức độ phúc lợi xã hội có sự khác biệt giữa các ngành nghề và tầng lớp xã hội
 - PLXH được cung cấp cho đơn vị là hộ gia đình không phải cá nhân => ảnh hưởng của Thiên Chúa Giáo
 - Mức thuế thu nhập cá nhân khá cao so với mô hình Anglo saxon
- => - Mức độ phía hàng hóa hóa SLĐ khá cao
- Tỷ lệ LĐ nữ tham gia vào thị trường LĐ thấp
 - Phân tầng xã hội cao trên nhiều khía cạnh

Nhà nước PL Đức

- Hệ thống bảo hiểm xã hội theo nguyên tắc hợp đồng giữa các thể hệ
- BHXH dựa trên đóng góp của 3 đối tượng: người lao động, người sử dụng lao động và nhà nước
- Mức độ bảo trợ xã hội cao trở thành một giá trị xã hội quan trọng
- Kết hợp giữa quyền tự do của con người, cơ chế thị trường (hiệu quả kinh tế) với sự can thiệp của nhà nước (khắc phục mặt trái của KTTT)

Ưu điểm	Nhược điểm
- Trách nhiệm thuộc về nhà nước và các nghiệp đoàn lao động: những tiền đề vật chất quan trọng cho các chương trình PLXH - Nhà nước có vai trò chính thức => PL khắc phục khuyết tật tt - Mức độ PL cao hơn, ổn định, an toàn, ít bị phụ thuộc vào tt - Giảm sự phụ thuộc của người lao động vào thị trường giảm bớt rủi ro - Ổn định và công bằng xã hội tương đối đảm bảo	- Gánh nặng chi PLXH cho nhà nước => thâm hụt ngân sách trong chu kỳ kinh tế - Gánh nặng cho các nghiệp bản trong chu kỳ kinh tế => giảm sức cạnh tranh trên thị trường - Tính hào phóng của phúc lợi xã hội có thể giảm động lực lao động - Bất bình đẳng về lợi ích giữa những ng đơn thân và những người có gia đình - Phân tầng xã hội cao, có sự khác biệt giữa các ngành nghề - Quản lý hệ thống phức tạp

MÔ HÌNH NNPL BẮC ÂU

- Kinh tế thị trường xã hội (chủ nghĩa tự do mới)
- Biên thể KTTT xã hội phúc lợi
- Kết hợp giữa KTTT xã hội và lý thuyết “Ngôi Nhà nhân dân” của Đảng dân chủ xh
- Kinh tế hỗn hợp ở các quốc gia Bắc Âu:
 - + Chế độ sở hữu: kết hợp sử dụng công cộng và chế độ Tư hữu (cốt lõi)
 - + Chế độ phân phối: phân phối theo lao động kết hợp với theo vốn (tư bản)

+ Về phương thức vận hành kinh tế: Nhà nước điều hành vĩ mô kết hợp với kinh tế thị trường

- Về con đường “dân chủ xh”

- Xuất hiện đầu tk XX, là 1 xu hướng ctri “xét lại” chủ nghĩa Mác

- Chủ trương cải tạo CNTB -> CNXH thông qua con đường Dân Chủ nghị viện

- Duy trì nền KTTT tư bản chủ nghĩa nhưng có sự can thiệp, điều tiết của Nhà nước để giảm nhẹ bất công

- “con đường thứ 3”

- Nhà nước là chủ đạo trong cung ứng PLXH

- **Chủ thuyết kinh tế:** KTTT xã hội

- **Triết lý:** “Xã hội hóa các chi phí của đời sống gia đình ngay từ đầu” tăng cường những khả năng độc lập của cá nhân trong xã hội

Đặc điểm:

- Nguyên tắc: bình đẳng và phổ cập toàn dân trong thụ hưởng các lợi ích xã hội

- Mục tiêu: “nhằm cải thiện năng lực của xã hội trong việc giải quyết những vấn đề của mình và nhằm nâng cao và phát triển bình đẳng các điều kiện sống của các cá nhân và các gia đình”

(1)_ Nhà nước có trách nhiệm toàn diện cho các vấn đề phúc lợi cơ bản => vai trò của chính phủ rất mạnh mẽ

(2)_ Hệ thống phúc lợi dựa trên một mức độ phổ quát cao và mức chi trả rộng rãi để đảm bảo an ninh thu nhập

- Mọi người đều có quyền hưởng các dịch vụ như nhau

- Các dịch vụ cơ bản (y tế, giáo dục) phần lớn miễn phí

- Mỗi cá nhân được nhận lợi ích tương đối cao trong trường hợp thất , ốm đau hoặc sinh đẻ

(3)_ Bình đẳng giới là 1 nguyên tắc có tính chủ đạo

- Phụ nữ tham gia vào tt lao động gần bằng mức nam giới

- Điều này được thể hiện bằng việc mở rộng việc chăm sóc trẻ em và giáo dục miễn phí

(4)_ Thị trường lao động được tổ chức tốt, mức độ tham gia thị trường lao động cao trong đó sự hợp tác ba bên: nhà nước, chủ sd lao động và người lđ

(5)_ Phúc lợi được tài trợ từ thuế và hệ thống phân phối lại. Các chương trình Phúc Lợi được cung cấp bởi một khu vực công lớn

Theo Asping Andersen:

- Mức độ phi hàng hóa hóa SLĐ cao

- Phân tầng xh thấp

- Tỷ lệ lđ nữ tham gia vào tt lđ cao

Ưu điểm	Nhược điểm
- Công bằng, bình đẳng - Đời sống cơ bản của mỗi ng dân luôn có sự đảm bảo cần thiết - Xã hội yên ổn, tạo môi trường thuận lợi cho tăng trưởng và phát triển kte	- Chi phí công cao - Đóng góp lớn - Sự độc quyền của nhà nước trong cung ứng các dvu PLXH cơ bản - Có thể làm giảm tự do cá nhân trong lựa chọn tiêu dùng

MÔ HÌNH NNPL ĐÔNG Á

1. Chủ thuyết kinh tế và triết lý

- **Gia đình và nhà nước là chủ đạo**

- **Chủ thuyết kinh tế:** “ KTTT nhà nước phát triển”

- Mô hình “nhà nước phát triển” hay “ nhà nước độc đoán”

- “ Nhà nước pt” là một nhà nước đóng vai trò chiến lược trong phát triển kinh tế với 1 bộ máy hành chính được trao quyền hạn đặc biệt để phát huy sáng kiến và điều hành hiệu quả các hoạt động

- Mục tiêu: “ Phát triển tổng thể nền KTQD, Pt các ngành công nghiệp có lợi thế so sánh được ưu tiên hàng đầu.

- **Triết lý phúc lợi:** Phúc lợi phụ thuộc vào hiệu quả kinh tế, “ Tăng trưởng trước phân phối sau”

- **Quá trình hình thành**

- Sau chiến tranh TG thứ 2
- Diễn hình ở Nhật Bản
- Các chương trình PLXH được hình thành ngay ở trình độ pt KT-XH thấp.
- Phát triển qua nhiều giai đoạn, mỗi gđ có đặc thù riêng về thể chế PL
- Các tên gọi khác: “ NNPL hiệu suất”, “ NNPL phát triển”

- **Đặc điểm mô hình**

- Không khuyến khích dựa vào nhà nước mà chủ trương dựa vào nguồn lực tư nhân (nghiệp đoàn)
- Nhà nước chỉ đóng vai trò xd thể chế và giám sát thực hiện
- Chịu ả/h sâu sắc của nho giáo (nhấn mạnh vai trò của cá nhân, gia đình truyền thống và cộng đồng, đề cao giáo dục)

Theo Esping Andersen

- Mức độ phi hàng hóa hóa SLĐ thấp
- Phân tầng cao do PLXH chỉ tập trung 3 nhóm
- Tình trạng việc làm giống C.Âu lục địa ko khuyến khích phụ nữ đi làm

Ưu điểm	Nhược điểm
- Tập trung ngân sách cho đầu tư phát triển ở giai đoạn đầu CNH - Huy động được nguồn lực tài chính tư nhân và xã hội để giải quyết vấn đề phúc lợi - Tận dụng được ưu thế của văn hóa phương Đông, ổn định xh và tạo điều kiện để pt kinh tế	- Phân phối lại theo hướng có lợi cho ng thu nhập cao và ổn định (Hàn Quốc) - Việc hoạch định c/s mang tính độc đoán, c/s xh đc tận dụng như 1 công cụ cho tăng trưởng KT (H Quốc) - Các chương trình BHXH chủ yếu dành cho lđ ở khu vực chính thức, bỏ sót nhiều đối tượng khác - Giảm tính năng động của thị trường lđ

C.Âu lục địa	Đông Á
- Nhà nước cam kết mạnh, đóng góp về tài chính - Phúc lợi theo nghiệp hội - Chịu ảnh hưởng nhiều của giáo hội thiên chúa - Mô hình tương đối ổn định trong suốt TK XX	- Nhà nước cam kết yếu hơn, không đóng góp tài chính - PL theo DN tùy thuộc vào quy mô - Ảnh hưởng của nho giáo và văn hóa p.Đông - Có nhiều biến động cải cách trong qt pt kinh tế

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

ĐỀ CƯƠNG MÔ HÌNH NHÀ NƯỚC PHÚC LỢI (BẢN 2)

Câu 1. Tổng quan về nhà nước phúc lợi

1. Khái niệm NNPL:

- Nhà nước phúc lợi là một mô hình chính phủ, theo đó nhà nước đóng vai trò quan trọng trong việc tạo nên và bảo vệ công ăn việc làm và đảm bảo một nền an sinh xã hội cao cho công dân của mình.

2. Đặc điểm NNPL:

- Mô hình nhà nước phúc lợi hướng tới thiết lập và củng cố các tiêu chuẩn quốc gia về các quyền lợi xã hội. Các quyền đó được thực hiện thông qua hàng loạt chương trình khác nhau nhưng chủ yếu thông qua an sinh xã hội
- Mô hình NNPL đòi hỏi sự can thiệp sâu của nhà nước vào các chức năng xã hội

3. Vai trò NNPL:

- Duy trì sự hỗ trợ chống nghèo đói
- Hướng tới mục tiêu công bằng thông qua việc thu hẹp sự chênh lệch về mức sống giữa các nhóm người trong xã hội
- Duy trì an sinh xã hội chống lại rủi ro tai nạn, ốm đau, mất sức lao động sớm, thất nghiệp, tuổi già, nhu cầu chăm sóc khi bị tổn thất
- Nâng cao sự phồn thịnh và chăm lo cho việc phân phối công bằng

4. Phân loại NNPL:

- Mô hình an sinh cơ bản
- Mô hình phúc lợi có mục tiêu
- Mô hình đoàn chủ nghĩa
- Mô hình mang tính bao quát

5. Các lý thuyết về mô hình NNPL :

- Theo lý thuyết của Bismarck : hệ thống bảo hiểm xã hội bắt buộc là cơ sở của quyền được hưởng các loại phúc lợi xã hội của người lao động. Phạm vi áp dụng của BHXH bắt buộc gắn với các nhóm người có nghề nghiệp trong xã hội hay còn gọi là người lao động

- Theo lý thuyết của Beveridge : phúc lợi xã hội phải bao phủ toàn diện với mức chi trả cho nhau và được quản lý tập trung thống nhất, nhấn mạnh đến lợi ích của người tham gia

- Khái niệm an sinh xã hội: ASXH(ILO) Là sự bảo vệ của xã hội đối với các thành viên của mình thông qua một loạt các biện pháp công cộng nhằm chống lại những khó khăn về KT& XH do bị mất nguồn đột ngột nguồn thu vì đau ốm, thai sản, tai nạn lao động , thất nghiệp, thương tật, tuổi già và chết đồng thời đảm bảo các chăm sóc y tế và trợ cấp cho các gia đình có con nhỏ

PLXH	ASXH
------	------

- Phân phối ngoài thu nhập theo LĐ - Chú trọng đảm bảo cuộc sống - Nâng cao chất lượng đời sống	- Phân phối trong thu nhập theo LĐ(BHXH) - Bù đắp tổn thất - Tồn tại trong một thời điểm nhất định - Áp dụng cho đối tượng nhất định
---	--

Câu 2: Mô hình NNPL Anglo-Saxon (chủ yếu ở Anh, Úc, Newzeland,..)

1. Lịch sử hình thành MHNNPL Anglo-Saxon

Mô hình tự do Anglo - Saxon: (ở các nước Anh, Ailen) Mô hình tự do Anglo - Saxon đặt trọng tâm vào việc đề cao trách nhiệm của các cá nhân với bản thân mình. Từ cơ sở này, thị trường lao động theo mô hình tự do sẽ được thả nổi và chính sách cạnh tranh được xác lập với nhiều mục tiêu tham vọng.

- Quá trình hình thành ở nước Anh: Nhà nước phúc lợi Anh đi theo cơ chế thị trường tự do, phúc lợi chủ yếu dành cho người nghèo, người yếu thế và nhà nước chỉ can thiệp khi các thành viên trong xã hội gặp rủi ro.

- Năm 1801 : Đạo luật cứu tế người nghèo (về nhà ở và y tế) ra đời.

Thế kỉ XVIII – XIX : Phát triển dịch vụ Y tế tư nhân, Y tế từ

- Năm 1848 : Đạo luật sức khỏe công cộng ra đời.

- Năm 1911 : Đạo luật Bảo hiểm sức khỏe quốc gia ra đời (theo Đạo luật này thì ai có thu nhập dưới 100 bảng/ năm sẽ được hưởng Bảo hiểm y tế).

- Năm 1946 : Đạo luật Dịch vụ sức khỏe quốc gia (Beveridge) ra đời.

* Quá trình hình thành ở nước Mỹ

- Năm 1776 : Thành lập chương trình hưu trí quốc gia lần 1 (cho quân nhân)

- Năm 1882 (sau nội chiến) : Chương trình hưu trí cho công nhân, công nghiệp.

- Năm 1935 (sau đại khủng hoảng kinh tế) : Đạo luật An ninh xã hội ra đời. Đóng góp tự nguyện cho các quỹ hưu trí.

- Năm 1939 : Có An sinh xã hội cho cá nhân và gia đình (mức chi trả thấp)

2. Chủ thuyết KT, triết lý phúc lợi, đặc điểm mô hình

- Thị trường là yếu tố quyết định

- **Chủ thuyết kinh tế của mô hình: kinh tế thị trường tự do**

- **Triết lý: phúc lợi càng cao càng làm giảm động lực lao động**

+ Thị trường là nhân tố trung tâm, quyết định đối với việc cung ứng phúc lợi xã hội

+ Trợ giúp xã hội dựa vào sự thẩm tra thu nhập

+ Nhà nước chỉ bảo đảm cho những chương trình bảo hiểm xã hội hạn hẹp

+ Các khoản tiền trợ cấp thường rất thấp

=> Đề cao thị trường và khu vực tư nhân trong cung ứng PL

Theo Esping Andersen (1990)

- Mức độ Phi hàng hóa hóa sức lao động thấp

- Tỷ lệ LĐ nữ tham gia thị trường lao động cao
- Mức thuế thu nhập cá nhân thấp hơn các mô hình khác
- PLXH phân bổ cơ bản theo cơ chế thị trường
- Bảo hiểm xã hội tự nguyện là hình thức cơ bản
- Khuyến khích sự tham gia của các tổ chức từ thiện vào hoạt động cung cấp phúc lợi xã hội
- Tỷ trọng tham gia của nhà nước vào cung cấp phúc lợi xã hội nhỏ và theo cơ chế thẩm tra thu nhập
- Mức độ phân tầng cao

Ưu điểm	Nhược điểm
- Khu vực tư nhân trở thành một lực lượng chính cho quỹ PLXH giúp Chính phủ bớt gánh nặng về tài chính - Đảm bảo sự phân phối PLXH đa dạng nâng cao chất lượng phục vụ công cộng của Chính phủ - Cạnh tranh trên thị trường cung ứng PLXH: đa dạng, giá, chất lượng dịch vụ...mở rộng khả năng lựa chọn cho người thụ hưởng - Tạo và duy trì động lực lao động - Thẩm tra tài sản đúng đối tượng	- Khi nền kinh tế gặp khủng hoảng nhà nước không đủ điều tiềm lực để đảm bảo ASXH trong điều kiện kt khó khăn - Phúc lợi của người lao động bị phụ thuộc quá nhiều vào thị trường => rủi ro cao - Gia tăng khoảng cách giàu nghèo và bất bình đẳng (phân tầng xã hội Cao) - Mất thể diện của đối tượng hưởng trợ giúp xã hội

3. Vai trò của nhà nước trong quản lý mô hình Anglo Saxon

- Nước Anh có hệ thống chính trị mang tính tập trung hóa rất cao độ, trong đó chính quyền địa phương chỉ được trao đổi một số quyền hạn cơ bản. Đảng cầm quyền có vai trò rất lớn và dường như không gặp phải sự chống đối của các đảng đối lập
- => nước Anh là mẫu hình dân chủ theo chủ trương đa số quyết định thiểu số.
- Chính phủ Anh gặp phải một số sức ép về mặt chính trị, như chính quyền Thatcher đã tiến hành một số cải cách không hợp lòng dân, đặc biệt trong vấn đề chăm sóc sức khỏe, nên đã bị thất thế trong những cuộc bầu cử tiếp theo.
 - Từ năm 1997 trở lại đây, Đảng Lao động luôn chiếm vị trí cầm quyền, còn Đảng Bảo thủ và Đảng Dân chủ Tự do là hai đảng phái quan trọng khác ở Anh.
 - Một điều khác biệt trong hệ thống quản lý mô hình Anglo- saxon là các luật áp dụng cho xứ Scotland và xứ Bắc Ailen (thuộc Anh) khác hẳn so với các khu vực thuộc nước Anh và xứ Wales
 - Nước Anh đã tiến hành 2 cuộc cải cách:
- + Cải cách lần đầu diễn ra trong thập kỷ 1960 và 1970, trong đó chính phủ cho phép Kho Bạc lập kế hoạch và kiểm soát chi tiêu công cộng

- + Cải cách lần thứ hai diễn ra trong thập kỷ 1980 và 1990 nhằm tái thiết các dịch vụ dân sự và ban quản lý nhà nước phúc lợi

4. Thực trạng phát triển của mô hình Anglo-Saxon:

Mô hình Anglo-Saxon mang đặc trưng phát triển kinh tế thị trường tự do, cân đối giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội.

a, Ưu điểm Mô hình Anglo-Saxon:

- _ Tốc độ tăng trưởng GDP và GDP bình quân đầu người
 - + 1995, thu nhập bình quân đầu người của Anh thấp hơn mức bình quân các mức EU, thấp hơn các nước châu Âu, thì đến năm 2005 thu nhập bình quân đầu người của Anh cao hơn 10% so với của EU15.
 - + Tăng trưởng kinh tế nhanh là một trong những lý do giải thích cho sự tiến bộ trong việc nâng cao thu nhập bình quân đầu người ở đất nước này
- _ Việc làm và an sinh thu nhập:
 - + Giai đoạn 1995-2005: tỷ lệ tham của người lao động trên thị trường lao động Anh đạt mức độ cao khoảng 76,5% so với 71% ở Đức và 69% ở Pháp.
 - + Tỷ lệ thất nghiệp có xu hướng giảm dần ở mức thấp kỷ lục là 4,7% năm 2004, trong khi ở Đức và Thụy Điển lại có xu hướng tăng lên và đạt 9,8% và 6,3% tương ứng.
 - + Chi tiêu cho thất nghiệp ở Anh kể từ năm 2000 thấp hơn các nước châu Âu khác
- _ Sự phát triển của ngành dịch vụ xã hội:
 - + Trong cơ cấu GDP, ngành dịch vụ có tỷ lệ cao hơn cả do những chính sách khuyến khích từ Chính phủ nhằm cải thiện ngành công cộng.
 - + Việc chuyển hướng nền kinh tế sang ngành dịch vụ là do những chính sách khuyến khích từ phía chính phủ nhằm cải thiện ngành công cộng .
 - + Anh có lực lượng lao động nữ cao nhất châu Âu.

b, Nhược điểm MH Anglo-Saxon:

- Vấn nạn nghèo khó:
 - + Anh là nước có tỷ lệ nghèo cao hơn so với châu Âu.
 - + Tỷ lệ nghèo khổ đạt cao nhất trong các nhóm đối tượng: hộ gia đình neo đơn, hộ gia đình phụ thuộc vào thu nhập từ chương trình trợ cấp thu nhập cho những người tìm kiếm việc làm, các gia đình có trẻ em dưới 11 tuổi, người lớn sống độc thân, trẻ em, thanh niên

- có trình độ giáo dục thấp, phụ nữ.
- Loại trừ xã hội:
 - + Tồn tại dưới 3 hình thức: loại trừ khỏi thị trường lao động, loại trừ ra khỏi các dịch vụ và loại trừ ra khỏi các quan hệ xã hội.
 - + Bị loại trừ ra khỏi thị trường lao động là những người làm việc không được trả công (khoảng 43% lao động lớn tuổi làm việc không được trả công ở Anh)
 - + Một số người không được tiếp cận các dịch vụ khác như nước, ga, điện, điện thoại do không có chi phí chi trả cho những dịch vụ này (khoảng 1/20 người dân Anh) và khoảng 1/14 người dân Anh bị loại trừ ra khỏi các dịch vụ công cộng hoặc tư nhân cần thiết.
 - + Số người bị loại trừ xã hội xuất hiện ở Anh là do: có thu nhập thấp, có sự phân hóa thu nhập giữa người giàu và người nghèo, thất nghiệp dài hạn, trẻ em không được giáo dục đầy đủ. Nghèo khổ có nguy cơ loại trừ nhóm người này ra khỏi các mối quan hệ xã hội, quan hệ cộng đồng.

5. Điều kiện vận dụng mô hình Anglo-saxon

a. Điều kiện kinh tế

Đảm bảo nền kinh tế thị trường tự do phát triển

- Thị trường là yếu tố trọng tâm
- Thị trường mà không có sự can thiệp kinh tế và quy định của nhà nước, ngoại trừ việc thực thi các hợp đồng tư nhân.
- Nhà Nước đóng một vai trò trung lập trong việc quản lý và điều ban hành pháp luật về hoạt động kinh tế không giới hạn và cũng không tích cực thúc đẩy nó.
- + Sử dụng linh hoạt các chính sách để đảm bảo cho thị trường vận hành một cách hiệu quả như chính sách thuế, chính sách lãi suất, chính sách tạo lập môi trường đầu tư.....

b. Điều kiện chính trị

- Thể chế mang tính tập trung hóa cao độ, thể chế theo quân chủ lập hiến, chủ trương đa số quyết định thiểu số, truyền thống trong lịch sử của các nước
- Đảm bảo một nền chính trị ổn định, cân bằng. Đây cũng là điều kiện để nhà nước vừa phát huy sức mạnh, vừa đảm bảo công bằng xã hội vừa đảm bảo tự do thị trường. Đó là điều kiện cho một nền KTTT tự do phát triển, tạo điều kiện cho Mô hình NNPL kiểu Anglo- saxon.
- Đảm bảo các chính sách về thuế, lãi suất, môi trường đầu tư linh hoạt

c. Điều kiện về lịch sử hình thành, văn hóa , xã hội

_ Lịch sử hình thành:

Các mô hình Anglo-Saxon hay Anglo-Saxon chủ nghĩa tư bản (gọi như vậy vì nó được thực hiện ở các nước nói tiếng Anh như Vương quốc Anh, các nước Mỹ, Canada, New Zealand, Úc và Ireland là một tư bản chủ nghĩa mô hình xuất hiện vào những năm 1970 dựa trên trường kinh tế Chicago.

- Dựa trên ý tưởng của Adam Smith

- Mức độ điều tiết thấp
- Dịch vụ công cộng ở mức độ thấp
- Rào cản thấp đối với thương mại

- Chính phủ nhỏ
- Ít ảnh hưởng của công đoàn
- Cạnh tranh và thị trường tự do là động lực của sự thịnh vượng
- Tập trung vào giá trị cổ đông
- Kết quả chất lượng cố định

tự do

- Tập trung vào quyền sở hữu tư nhân
- Mức thuế thấp

– Văn hóa, xã hội

- Nhà nước đảm bảo cho những chương trình bảo hiểm xã hội hạn hẹp, các khoản tiền trợ cấp thường rất thấp xuất phát từ việc mức thuế thấp, chính phủ nhỏ và ít ảnh hưởng của công đoàn.
- Thị trường và khu vực tư nhân có vai trò cao trong cung ứng phúc lợi
 - + Khu vực tư nhân trở thành lực lượng bổ sung nòng cốt cho quỹ phúc lợi xã hội, giúp chính phủ gánh bớt gánh nặng tài chính
 - + Cạnh tranh trên thị trường cung ứng phúc lợi xã hội (Đa dạng, giá, chất lượng dịch vụ...), mở rộng khả năng lựa chọn cho người thụ hưởng.
- Yếu tố 'chủ nghĩa cá nhân' quan trọng. Mô hình Anglo-Saxon dựa trên cá nhân là động lực.

Điều chỉnh MH Anglo-xaxon hiện nay

– Kinh tế trì trệ, NSLĐ tăng chậm

– Phân hóa xã hội

– Tình trạng “cô lập XH”

– Chủ nghĩa tôn giáo cực đoan phát triển

Câu 3: MHNNPL kiểu Châu Âu lục địa (Đức)

I. Chủ thuyết KT, triết lý phúc lợi, đặc điểm MHNNPL, đk hình thành kiểu Châu Âu lục địa

1. Chủ thuyết kinh tế: Kinh tế thị trường xã hội

Nhà nước và thị trường đóng vai trò quan trọng trong 3 trụ cột

Triết lý: Kết hợp sức mạnh nhà nước với thị trường, đảm bảo hiệu quả kinh tế và công bằng XH.

Ba nguyên tắc cơ bản của KTTT Xh (thuộc trường phái tân tự do – chủ nghĩa tự do mới)

- + Bảo đảm tự do cạnh tranh, không có sự tham gia của độc quyền
- + Bảo đảm sự bền vững của sở hữu tư nhân về TLSX, bảo đảm tính độc lập về kinh tế và trách nhiệm của các chủ thể kinh doanh

- + Chống lại những can thiệp sai của Nhà nước, nhưng thừa nhận chức năng của nhà nc.

2. Đặc điểm: tính gia trưởng (bảo thủ) – Tính nghiệp đoàn

- Tính gia trưởng (bảo thủ)

- + Nguồn gốc từ xã hội thái ấp phong kiến và trong chế độ quân chủ chuyên chế của Châu Âu
- + Một dấu ấn là truyền thống ở một số quốc gia(Áo, Đức, Pháp) cung cấp cho các công chức nhà nước những khoản PLXH vô cùng rộng rãi
- + Hai là việc cứu trợ dành cho người nghèo có tính chất nhân đạo và hào phóng hơn so với chủ nghĩa tự do kinh tế

- Tính nghiệp đoàn

- + Bắt nguồn từ truyền thống nghề nghiệp trong nền KT thành thị thời trung cổ ở Tây Âu
- + Chủ nghĩa nghiệp đoàn phát triển thành đặc điểm quan trọng của nhà nước phúc lợi bảo thủ để ứng phó với sự phân đoạn thị trường và chủ nghĩa cá nhân do KTTT và nền đại công nghiệp tạo ra
- + Nghiệp đoàn là một tập hợp của những người có cùng bản sắc địa vị xã hội, tư cách thành viên bắt buộc và duy nhất, sự tương hỗ về lợi ích và độc quyền về đại diện
- + Trong MHNPL lợi bảo thủ nhà nước thừa nhận các đặc quyền cụ thể của các vị trí xã hội.
- + Ở các nước theo mô hình này đã tồn tại một truyền thống xây dựng các chương trình phúc lợi xã hội phức tạp trên cơ sở địa vị xã hội

_ Bản chất

- Là một mô hình KT-XH trong đó các chức năng kinh tế và các chức năng xã hội lk với nhau
- Cạnh tranh có hiệu quả là một nguyên tắc cơ bản song muốn cạnh tranh có hiệu quả lại cần sự can thiệp của nhà nước
- Nhà nước can thiệp vào kinh tế dựa trên nguyên tắc hỗ trợ và tương hợp
- Quy định rõ quyền và trách nhiệm của các cá nhân, các chủ thể kinh tế và Nhà nước về nhiệm vụ thực hiện công bằng xã hội
- Nói một cách khác là nền tảng và triết lý của nhà nước Phúc Lợi được thể hiện trong những quy định này

3. Điều kiện hình thành mô hình nhà nước phúc lợi châu Âu lục địa

a. Điều kiện kinh tế

Đảm bảo nền kinh tế thị trường xã hội phát triển, ổn định

- Một là Nhà nước đảm bảo tự do cho các hoạt động kinh tế, không ràng buộc
- Hai là nhà nước phải có một hệ thống chi tiêu ngân sách phù hợp, đảm bảo cho sự tăng trưởng, không làm giảm động lực lao động (do tính hào phóng)

- Hệ thống nghiệp đoàn phát triển mạnh mẽ để ứng phó với sự phân đoạn thị trường và chủ nghĩa cá nhân do kinh tế thị trường và nền đại công nghiệp tạo ra

b. Điều kiện chính trị

- Đáp ứng 5 yếu tố của một chế độ chính trị tốt: (1) Ngăn ngừa hình thành chế độ độc tài, (2) Ngăn ngừa đảo chính, (3) Bảo đảm chính quyền ổn định và làm được việc, (4) Ngăn cản việc thực thi các chính sách tồi và (5) Kéo dài sự cầm quyền của một chính phủ thành công

=> Đảm bảo một nền chính trị ổn định, cân bằng. Đây cũng là điều kiện để nhà nước vừa phát huy sức mạnh, vừa đảm bảo công bằng xã hội vừa đảm bảo tự do thị trường. Đó là điều kiện cho một nền KTTTXXH phát triển, tạo điều kiện cho Mô hình NNPL CÂLĐ

- Đảm bảo các chính sách về thuế, lãi suất, môi trường đầu tư linh hoạt

c. Điều kiện lịch sử, văn hóa, xã hội

c.1 Lịch sử hình thành, phát triển

- Nước Đức trở thành quốc gia đầu tiên thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội
- Sau hai cuộc thế chiến, Hệ thống chính sách phúc lợi xã hội theo trường phái Bismarck mặc dù bị ảnh hưởng nhưng vẫn tiếp tục phát triển, mở rộng loại hình theo hướng ngày càng toàn diện.
- Đến cuối thế kỉ XX, nhà nước phúc lợi Châu Âu nói chung và các nước theo mô hình châu Âu lục địa nói riêng vẫn duy trì hệ thống phúc lợi xã hội hào phóng cho công dân của mình.
- Đến đầu thế kỉ XXI, MHPLXH Châu Âu đã có nhiều cải cách dưới tác động của khủng hoảng nợ công, kinh tế trì trệ, già hóa dân số, tình trạng cô lập xã hội và khủng hoảng di cư:

c.2 Điều kiện văn hóa, xã hội

- Nhà nước và các nghiệp đoàn đóng vai trò quan trọng (Tính gia trưởng và tính nghiệp đoàn) Nhà nước và nghiệp đoàn cung ứng các dịch vụ PLXH, hệ thống bảo hiểm tư nhân đóng vai trò mờ nhạt
- Thiên Chúa giáo và nhà thờ đóng vai trò quan trọng, ủng hộ sự kết hợp giữa chủ nghĩa quyền lực tuyệt đối của nhà nước và chủ nghĩa nghiệp hội.

4. Nhận xét mô hình nhà nước phúc lợi kiểu Châu Âu lục địa

❖ Ưu điểm

- Mô hình nhà nước phúc lợi kiểu Châu Âu lục địa (bảo thủ) cung cấp phúc lợi chủ yếu cho đơn vị gia đình với trách nhiệm thuộc về nhà nước và các nghiệp đoàn lao động đã tạo ra những tiền đề vật chất quan trọng cho các chính sách phúc lợi xã hội.
- Bớt rủi ro do không phải phụ thuộc hoàn toàn vào thị trường. Người lao động có thể được hưởng phúc lợi xã hội được cung cấp bởi nhà nước và các nghiệp đoàn ở mức cao.

- Nhà nước có công cụ can thiệp vào điều tiết xã hội

❖ **Nhược điểm**

- Trong những giai đoạn của chu kỳ kinh tế, khi tốc độ tăng trưởng kinh tế suy giảm mà nhà nước vẫn phải đảm đương nhiều chương trình phúc lợi xã hội khiến gánh nặng chi phí ngày càng lớn, thâm hụt ngân sách sẽ nặng nề hơn.
- Về phía các nghiệp đoàn, khiến cho các doanh nghiệp không những giảm sức cạnh tranh trên thị trường mà còn phải chịu những sức ép khác về lương, trợ cấp cho người lao động.
- Về phía người lao động :Chế độ bảo hiểm xã hội khá rộng rãi có thể tạo ra một tầng lớp dân cư sống ỷ lại vào trợ cấp, thậm chí lợi dụng trợ cấp để kiếm thu nhập. Người lao động giảm động lực, ít cạnh tranh, kém chủ động, gây chi phí cao.
- Phân tầng xã hội cao (bởi vì có nhiều nghiệp hội). Vì đối tượng thụ hưởng phúc lợi xã hội là gia đình nên sẽ nảy sinh bất bình đẳng về thụ hưởng lợi ích giữa những người đơn thân và những người có gia đình.
- Thuế cao. Tỷ lệ thất nghiệp tăng do mức thuế thu nhập cao, dẫn tới tình trạng các ngành nghề có thu nhập thấp, không có kỹ năng không đủ đáp ứng cuộc sống của người dân □không có người làm việc

Tại sao mô hình nghiệp đoàn này lại được các nước châu Âu lục địa ủng hộ

- Công nghiệp hóa muộn các truyền thống phường hội được duy trì lâu dài
- Lực lượng phân biệt địa vị xã hội, trật tự xã hội và các đặc quyền có vị thế mạnh mẽ hơn hẳn ở các nước khác
- Nhà thờ Thiên Chúa Giáo ủng hộ sự kết hợp giữa chủ nghĩa Quyền Lực Tuyệt Đối của nhà nước (gia trưởng) và chủ nghĩa nghiệp đoàn

Theo Esping Andersen (1990)

- Các quyền xã hội luôn đi đôi với các giai cấp và các vị thế
 - Nhà nước và các nghiệp đoàn Lao động cung ứng các dịch vụ PLXH, hệ thống bảo hiểm tư nhân chỉ đóng vai trò mờ nhạt
 - Nặng tính chất nghiệp hội
 - Dựa nhiều vào các tổ chức của Giáo hội (ảnh hưởng của Thiên Chúa Giáo)
 - Mức độ phúc lợi xã hội có sự khác biệt giữa các ngành nghề và tầng lớp xã hội
 - PLXH được cung cấp cho đơn vị là hộ gia đình không phải cá nhân => ảnh hưởng của Thiên Chúa Giáo
 - Mức thuế thu nhập cá nhân khá cao so với mô hình Anglo saxon
- => - Mức độ phân hóa xã hội SLĐ khá cao
- Tỷ lệ nữ tham gia vào thị trường lao động thấp
 - Phân tầng xã hội cao trên nhiều khía cạnh

II. Mô hình nhà nước phúc lợi Đức

1. Lịch sử hình thành mô hình nhà nước phúc lợi Đức

Trên thế giới, chương trình phúc lợi của nhà nước sớm nhất là hệ thống bảo hiểm xã hội quốc gia (soziale Sicherheit) do thủ tướng Bismarck (1815-1898) thực hiện ở Đức vào thập niên 1880. Đây là một hệ thống bảo hiểm xã hội cưỡng bách đối với người lao động, bao gồm chế độ lương hưu, chế độ bảo hiểm y tế và bảo hiểm tai nạn lao động.

2 Đặc điểm và biểu hiện của mô hình nhà nước phúc lợi Đức

- ❖ Mức độ phi hàng hóa hóa sức lao động khá cao
 - Mô hình của CHLB Đức, các dịch vụ xã hội chủ yếu do nhà nước thực hiện. Ở Đức, cũng có sự phân cấp mạnh mẽ cho chính quyền địa phương và các tổ chức xã hội tham gia quản lý thực hiện.
 - Nhà nước và các nghiệp đoàn lao động tham gia nhiều trong việc cung ứng các dịch vụ phúc lợi xã hội, hệ thống bảo hiểm tư nhân chỉ đóng vai trò mờ nhạt
- + Phúc lợi được cung cấp theo một trong hai cách: Dịch vụ chuyển đổi bằng hiện vật và chuyển tiền mặt.
- + Bảo hiểm xã hội: CHLB Đức cũng cho thấy một mức độ bao phủ khá rộng tới các đối tượng dân chúng với mức chi trả khá cao trong các chương trình bảo hiểm xã hội.
- + Trợ cấp thất nghiệp: Khi người thất nghiệp đã nhận bảo hiểm thất nghiệp quá thời gian quy định mà vẫn chưa tìm được công việc làm mới thì họ sẽ bị cắt chế độ bảo hiểm thất nghiệp. Nếu gặp khó khăn về tài chính, người thất nghiệp lúc này có quyền xin hưởng trợ cấp thất nghiệp.
- + Trợ cấp xã hội: Những người không có công ăn việc làm hoặc thu nhập quá thấp sẽ được nhận trợ cấp xã hội để đảm bảo mức sống tối thiểu từ nhà nước, lấy từ tiền
- + Những người nước ngoài ở Đức hiện nay cũng được hưởng phúc lợi xã hội như người Đức
- + Giáo dục và đào tạo ở Đức chủ yếu là các cơ sở công lập, ở đó thực hiện miễn phí hoặc mức học phí rất thấp cho người học. Trẻ em đi học phần lớn do Nhà nước lo, nhưng gia đình vẫn phải đóng tiền.
- + Y tế: Đức có hệ thống chăm sóc y tế phổ quát lâu năm nhất thế giới. Hiện nay cư dân được bảo hộ thông qua một kế hoạch bảo hiểm y tế theo quy chế, có tiêu chuẩn cho phép một số nhóm lựa chọn một hợp đồng bảo hiểm y tế tư nhân
- + Hệ thống "hàng hóa công" được đầu tư kỹ lưỡng và tiện ích.. Đức được xếp vào trong 20 quốc gia đáng sống nhất trên thế giới
- Quyền được hưởng phúc lợi cũng dựa trên việc tham gia thị trường lao động, nhưng mức độ phúc lợi xã hội được hưởng có sự khác nhau rất nhiều giữa các ngành nghề và tầng lớp xã hội. Phúc lợi xã hội được cung cấp cho đơn vị là hộ gia đình chứ không phải cá nhân.

- ❖ Sự phân tầng xã hội cao trên nhiều khía cạnh. Do mức độ phúc lợi xã hội được hưởng có sự khác nhau rất nhiều giữa các ngành nghề và tầng lớp xã hội.
- ❖ Thị trường lao động: lực lượng lao động có tay nghề thấp thường là công nhân nhập cư. Người Đức chú trọng tới lao động có trình độ cao và được đánh giá cao về xã hội (điển hình là nam). Tỷ lệ lao động nữ tham gia vào thị trường lao động thấp
- ❖ Thuế: Người lao động ở Đức phải đóng nhiều loại thuế. Càng thu nhập cao thuế phải đóng theo lũy tiến càng nhiều. Người "siêu giàu" còn được áp thêm một mức thuế đặc biệt khác.

Đánh giá chung:

- Đức là một những quốc gia có chất lượng an sinh xã hội tốt nhất thế giới.
- Những người không có công ăn việc làm hoặc thu nhập quá thấp sẽ được nhận trợ cấp xã hội để đảm bảo mức sống tối thiểu từ nhà nước, lấy từ tiền thuế.
- CHLB Đức không chỉ đi theo nền kinh tế thị trường thuần túy, mà là nền kinh tế thị trường xã hội, nên hệ thống phúc lợi, an sinh xã hội rất tốt

Đánh giá hệ thống phúc lợi xã hội của Đức:

Theo tiêu chuẩn thế giới, hệ thống phúc lợi Đức khá hoàn chỉnh. Tuy nhiên, việc tiếp cận các dịch vụ xã hội vẫn còn chưa công bằng cho mọi người. Vào giữa những năm 90s, hệ thống PLXH vẫn chưa bao quát hết cho những người có thu nhập thấp và thất nghiệp.

+ Ngoài ra, một vấn đề khi sát nhập Đông Đức vào Tây Đức là bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, cứu trợ xã hội hầu như không tồn tại ở Đông Đức. Do vậy, việc áp dụng hệ thống an sinh xã hội vào Đông Đức rất phức tạp và tốn thời gian và nguồn lực.

+ Đối với hệ thống giáo dục, việc kết hợp 2 mô hình giáo dục Đông Đức và Tây Đức cũng được tiến hành giống như hệ thống an sinh xã hội

Trong những năm qua, Chính phủ Đức đã đưa ra nhiều chính sách trong cải cách kinh tế - xã hội như tài chính công, chính sách xã hội, tạo một môi trường kinh doanh thông thoáng hơn giúp các công ty phát triển. Kết quả là, nền kinh tế Đức từ năm 2007 trở lại đây đã thu được nhiều thành tựu đáng kể.

Câu 4: MHNNPL Bắc Âu (Thụy Điển)

I. Chủ thuyết KT, triết lý phúc lợi, đặc điểm MHNNPL, đk vận dụng MH, đánh giá MH

1. Chủ thuyết kinh tế: KTTT xã hội (chủ nghĩa tự do mới)

- Triết lý: “*Xã hội hóa các chi phí của đời sống gia đình ngay từ đầu*” **tăng cường những khả năng độc lập của cá nhân trong xã hội**

Biến thể KTTT xã hội phúc lợi

- Kết hợp giữa KTTT xã hội và lý thuyết “Ngôi Nhà nhân dân” của Đảng dân chủ xã

- Kinh tế hỗn hợp ở các quốc gia Bắc Âu:
- + Chế độ sở hữu: kết hợp sử dụng công cộng và chế độ Tư hữu (cốt lõi)
- + Chế độ phân phối: phân phối theo lao động kết hợp với theo vốn (tư bản)
- + Về phương thức vận hành kinh tế: Nhà nước điều hành vĩ mô kết hợp với kinh tế thị trường
 - Về con đường “dân chủ xh”
- Xuất hiện đầu tk XX, là 1 xu hướng ctri “xét lại” chủ nghĩa Mác
- Chủ trương cải tạo CNTB -> CNXH thông qua con đường Dân Chủ nghị viện
- Duy trì nền KTTT tư bản chủ nghĩa nhưng có sự can thiệp, điều tiết của Nhà nước để giảm nhẹ bất công
- “con đường thứ 3”
- Nhà nước là chủ đạo trong cung ứng PLXH

2. Đặc điểm MH: Nguyên tắc: bình đẳng và phổ cập toàn dân trong thụ hưởng các lợi ích xã hội

- Mục tiêu: “nhằm cải thiện năng lực của xã hội trong việc giải quyết những vấn đề của mình và nhằm nâng cao và phát triển bình đẳng các điều kiện sống của các cá nhân và các gia đình”
- (1)_ Nhà nước có trách nhiệm toàn diện cho các vấn đề phúc lợi cơ bản => vai trò của chính phủ rất mạnh mẽ
- (2)_ Hệ thống phúc lợi dựa trên một mức độ phổ quát cao và mức chi trả rộng rãi để đảm bảo an ninh thu nhập
 - Mọi người đều có quyền hưởng các dịch vụ như nhau
 - Các dịch vụ cơ bản (y tế, giáo dục) phần lớn miễn phí
 - Mỗi cá nhân được nhận lợi ích tương đối cao trong trường hợp thất , ốm đau hoặc sinh đẻ
- (3)_ Bình đẳng giới là 1 nguyên tắc có tính chủ đạo
 - Phụ nữ tham gia vào tt lao động gần bằng mức nam giới
 - Điều này được thể hiện bằng việc mở rộng việc chăm sóc trẻ em và giáo dục miễn phí
- (4)_ Thị trường lao động được tổ chức tốt, mức độ tham gia thị trường lao động cao trong đó sự hợp tác ba bên: nhà nước, chủ sd lao động và người lđ
- (5)_ Phúc lợi được tài trợ từ thuế và hệ thống phân phối lại. Các chương trình Phúc Lợi được cung cấp bởi một khu vực công lớn

Theo Asping Andersen:

- Mức độ phi hàng hóa hóa SLĐ cao
- Phân tầng xh thấp
- Tỷ lệ lđ nữ tham gia vào tt lđ cao

Ưu điểm	Nhược điểm
- Công bằng, bình đẳng - Đời sống cơ bản của mỗi ng dân luôn có sự đảm bảo cần thiết - Xã hội yên ổn, tạo môi trường thuận lợi cho tăng trưởng và phát triển kte	- Chi phí công cao - Đóng góp lớn - Sự độc quyền của nhà nước trong cung ứng các dvu PLXH cơ bản - Có thể làm giảm tự do cá nhân trong lựa chọn tiêu dùng

3. Điều kiện vận dụng mô hình NNPL Bắc Âu

_ ***Yếu tố tự nhiên:*** Dân số ít nhưng tài nguyên lại dồi dào. Tọa lạc ở vùng vĩ độ cao, các nước Bắc Âu có thời tiết lạnh giá vô cùng khắc nghiệt. Hay nói cách khác, vùng Bắc Âu rộng hơn 1,4 triệu km² chỉ chứa vón vẹn hơn 20 triệu người..

_ ***Yếu tố kinh tế:*** Các nước Bắc Âu đầu tư rất ít vào lĩnh vực quân sự. 80% lượng tài chính của Bắc Âu được dùng để phát triển kinh tế và an sinh xã hội.

- Một là Nhà nước đảm bảo tự do cho các hoạt động kinh tế, không ràng buộc
- Hai là nhà nước phải có một hệ thống chi tiêu ngân sách phù hợp, đảm bảo cho sự tăng trưởng, không làm giảm động lực lao động (do tính hào phóng)
- Hệ thống nghiệp đoàn phát triển mạnh mẽ để ứng phó với sự phân đoạn thị trường và chủ nghĩa cá nhân do kinh tế thị trường và nền đại công nghiệp tạo ra

_ ***Điều kiện văn hóa, xã hội***

- Nhà nước và các nghiệp đoàn đóng vai trò quan trọng, cung ứng các dịch vụ PLXH, hệ thống bảo hiểm tư nhân đóng vai trò mờ nhạt
- + Tính gia trưởng xuất phát từ xh thái áp phong kiến trong chế độ quân chủ chuyên chế Châu Âu
- Tính nghiệp đoàn bắt nguồn từ truyền thống nghề nghiệp, các phường hội. Thiên Chúa giáo và nhà thờ đóng vai trò quan trọng, ủng hộ sự kết hợp giữa chủ nghĩa quyền lực tuyệt đối của nhà nước và chủ nghĩa nghiệp hội

_ ***Yếu tố chính trị:*** + các nước Bắc Âu chọn cho mình con đường phát triển theo kinh tế thị trường xã hội, chế độ dân chủ - xã hội, được dẫn dắt bởi Đảng Xã Hội Dân Chủ trong suốt nhiều thập kỉ.

+ xây dựng 1 chính phủ minh bạch và trung thực, đoàn kết cùng giải quyết khó khăn.

_ ***Yếu tố con người:*** Chú trọng giáo dục. Các nước bắc Âu đã theo chủ nghĩa tự do và trọng người tài từ rất sớm. Giá trị văn hóa của người Bắc Âu (sáu đặc tính phổ biến dễ dàng được tìm thấy là: Trung thực, công bằng, hiệu quả, tận tâm, tin tưởng vào chính phủ, bình đẳng giới và văn hóa đồng nhất).

4. Đánh giá ưu nhược điểm

• Ưu điểm

- Đây là một mô hình với một mức độ công bằng và bình đẳng rất cao, tạo ra một môi trường xã hội tốt đẹp, ít cạnh tranh.

- Đời sống người dân được đảm bảo thông qua hệ thống chính sách phúc lợi đa dạng
- Tạo môi trường ổn định để tăng trưởng kinh tế
- **Nhược điểm**
 - Do vai trò của nhà nước trong mô hình này là rất lớn nên phân chi tiêu công cũng là một con số không nhỏ. Điều này kéo theo gánh nặng về thuế: mức thuế rất cao
 - Mức độ tham gia của nhà nước vào thị trường ở mức cao dẫn đến việc làm giảm tự do hóa cá nhân trong các hoạt động sản xuất và tiêu dùng các loại dịch vụ xã hội.
 - Nhà nước cung ứng độc quyền các dịch vụ phúc lợi xã hội có thể dẫn tới các hệ lụy xấu mà tình trạng độc quyền mang lại như vấn đề về giá và khả năng phát triển của mô hình.

II. Mô hình nhà nước phúc lợi Thụy Điển

1. **Mức độ phổ quát cao:** Tất cả công dân đều được đảm bảo các lợi ích và dịch vụ an sinh xã hội cơ bản:
 - Đa dạng các loại hình bảo hiểm xã hội: 4 loại bảo hiểm lớn được pháp luật qui định: bảo hiểm hưu trí dưỡng lão, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, còn có rất nhiều loại hình phúc lợi xã hội khác:
 - Chế độ dưỡng lão: người lao động về hưu từ 61 tuổi được định kỳ lĩnh lương hưu thông thường bằng 60-70% thu nhập trung bình của 15 năm tốt nhất của một người, người già yếu không tự lo liệu cuộc sống được có thể vào ở trong viện dưỡng lão, được hưởng chăm sóc y tế miễn phí.
 - Chế độ bảo hiểm thất nghiệp: nếu người lao động thất nghiệp, họ được định kỳ lĩnh tiền cứu tế thất nghiệp, được các trung tâm giới thiệu việc làm của nhà nước miễn phí giới thiệu việc làm trong phạm vi toàn quốc.
 - Chế độ giáo dục: tất cả mọi người đều được đi học không mất tiền suốt đời.
 - Chế độ sinh đẻ: phụ nữ sinh con được nghỉ đẻ 18 tháng có. Nếu đến tháng thứ 18 lại có thai, sẽ tiếp tục được nghỉ tiếp hưởng 90% lương cho đến khi đứa trẻ ra đời lại được hưởng chế độ nghỉ đẻ 18 tháng.
 - Chế độ nhà tù: tội phạm được nhà nước nuôi ăn ở không mất tiền, ngoài ra, mỗi tháng còn được lĩnh một khoản tiền mặt trợ cấp tuy không lớn nhưng cũng không phải là nhỏ lắm
 - Đối tượng được nhận phúc lợi được bao quát đến từng cá nhân và tất cả các độ tuổi.
 - Phúc lợi được tổ chức và thực hiện qua các cấp từ trung ương đến địa phương: công việc sẽ không bị đổ dồn về trung ương và khi quản lý ở cấp địa phương giúp cho các chế độ phúc lợi gần với người dân hơn.

2. Mức độ bình đẳng

- Phân phối thu nhập công bằng: Thụy Điển thực hiện đánh thuế lũy tiến, tức là thu nhập càng cao sẽ phải đóng càng nhiều thuế.

Điều này giúp làm giảm gánh nặng về thuế đối với những người có thu nhập ở tầng thấp trong xã hội Thụy Điển.

- Các loại trợ cấp thất nghiệp, trợ cấp cho người tàn tật, mất sức lao động, trợ cấp y tế cho lao động,... cũng được trú trọng góp phần làm cân bằng phân phối thu nhập cho người dân.
- + Người dân bình đẳng trong việc thụ hưởng các dịch vụ phúc lợi xã hội: Mọi công dân ở Thụy Điển đều có quyền được hưởng các dịch vụ xã hội theo chế độ.
- + Mức độ bình đẳng giới cao
 - Phụ nữ có trình độ học vấn cao hơn nam giới
 - Phụ nữ có cơ hội tham gia và thi trường lao động gần bằng nam giới thông qua các chính sách sinh đẻ và chăm sóc cho trẻ em.

3. Thị trường việc làm

- Mức độ tham gia thị trường lao động ở Thụy Điển nằm ở mức cao. Môi trường làm việc lành mạnh, nền kinh tế vận hành theo xu hướng thị trường nhưng vẫn có sự can thiệp sâu của nhà nước qua các chính sách về việc làm. Lao động ở đây được trả lương theo đúng tay nghề.
- Có sự kết nối giữa 3 chủ thể là nhà nước, chủ sở hữu lao động và người lao động, nhà nước quản lý đảm bảo quyền lợi của người lao động đồng thời tạo điều kiện cho giới chủ có cơ hội phát triển.
- Chế độ lao động – việc làm luôn được nhà nước đảm bảo → ít khi có phong trào biểu tình đòi tăng lương hay giảm giờ làm.

4. Thuế: Mức thuế ở Thụy Điển rất cao. Mức thuế suất hiệu quả ở Thụy Điển thường được trích dẫn là một trong những mức cao nhất trên thế giới.

- Thuế giá trị gia tăng: Tỷ lệ thuế giá trị gia tăng ở Thụy Điển rất cao: 25%
- Thuế thu nhập: Tổng chi phí tiền lương cho người sử dụng lao động là tổng lương cộng với các khoản đóng góp an sinh xã hội. Thuế thu nhập phụ thuộc vào người phải nộp thuế ở Thụy Điển và khoản đóng góp an sinh xã hội phụ thuộc vào người tham gia vào kế hoạch BHXH của Thụy Điển.
- Thuế thu nhập từ vốn: Thụy Điển có mức thuế bằng phẳng là 30% đối với các khoản tăng vốn.
- Thuế doanh nghiệp: Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Thụy Điển là 22%.

Câu 5: MÔ HÌNH NNPL ĐÔNG Á

I. Chủ thuyết kinh tế, triết lý phúc lợi, đặc điểm, đk vận dụng MH

1. Gia đình và nhà nước là chủ đạo

- **Chủ thuyết kinh tế:** “ KTTT nhà nước phát triển”
- Mô hình “nhà nước phát triển” hay “ nhà nước độc đoán”
- “ Nhà nước pt” là một nhà nước đóng vai trò chiến lược trong phát triển kinh tế với 1 bộ máy hành chính được trao quyền hạn đặc biệt để phát huy sáng kiến và điều hành hiệu quả các hđ
- Mục tiêu: “ Phát triển tổng thể nền KTQD, Pt các ngành công nghiệp có lợi thế so sánh được ưu tiên hàng đầu.
- **Triết lý phúc lợi:** Phúc lợi phụ thuộc vào hiệu quả kinh tế, “ Tăng trưởng trước phân phối sau”
 - Quá trình hình thành
- Sau chiến tranh TG thứ 2
- Diễn hình ở Nhật Bản
- Các chương trình PLXH được hình thành ngay ở trình độ pt KT-XH thấp.
- Phát triển qua nhiều giai đoạn, mỗi gđ có đặc thù riêng về thể chế PL
- Các tên gọi khác: “ NNPL hiệu suất”, “ NNPL phát triển”

2. Đặc điểm mô hình

- Không khuyến khích dựa vào nhà nước mà chủ trương dựa vào nguồn lực tư nhân (nghiệp đoàn)
- Nhà nước chỉ đóng vai trò xd thể chế và giám sát thực hiện
- Chịu ảnh hưởng sâu sắc của nho giáo (nhấn mạnh vai trò của cá nhân, gia đình truyền thống và cộng đồng, đề cao giáo dục)

3. Điều kiện vận dụng MHNPLĐông Á

a. Điều kiện kinh tế

- Một là, để áp dụng mô hình nhà nước phải có một hệ thống chi tiêu ngân sách một cách hạn chế cho các chương trình phúc lợi, ưu tiên tăng trưởng theo phương châm “ tăng trưởng trước, phân phối lại sau”.
- Hai là, các chủ doanh nghiệp, người lao động và các lực lượng xã hội khác gia tăng tính trách nhiệm trong việc đảm bảo phúc lợi đáp ứng nhu cầu bên trong hoạt động kinh tế..

b. Điều kiện chính trị, thể chế

- Cần phải có một mô hình hệ thống ASXH đồng bộ, phù hợp với chế độ chính trị, mô hình Nhà nước và thể chế kinh tế mà quốc gia đó theo đuổi.
- Mô hình kết hợp vừa có đặc trưng của Nhà nước xã hội và Nhà nước phúc lợi Liên hệ với Việt Nam: Đối với Việt Nam, từ khi thống nhất đất nước, mô hình hệ thống ASXH đã có những chuyển biến lớn.

c. Điều kiện lịch sử, văn hóa, xã hội

c.1 Quá trình, lịch sử hình thành của NNPL Đông Á

- Trong đó, quá trình và lịch sử hình thành của NNPL Đông Á được thể hiện rõ nét nhất qua đại diện tiêu biểu là Nhật Bản với những giai đoạn cụ thể.

+ GD1: Thời kỳ trước chiến tranh TG lần thứ II

Nhật Bản trước chiến tranh chỉ tập trung tăng cường quân sự và phát triển công nghiệp vì mục đích: Nước giàu binh mạnh, còn những bảo hiểm xã hội và cơ sở hạ tầng môi trường sống hầu như không được quan tâm đến.

+ GD2: Thời kỳ sau CTTG thứ II:

Nếu như hoạt động PLXH trước CTTG thứ II ở Nhật Bản chủ yếu là hoạt động “cứu trợ” thì sau CTTG thứ II, đối tượng của PLXH đã thay đổi và bao gồm những người có hoàn cảnh đặc biệt. Có thể phân chia thời kỳ sau CTTG lần thứ II thành 3 giai đoạn nhỏ như sau:

- Giai đoạn 1945-1960: giai đoạn khó khăn trong phát triển kinh tế ở Nhật Bản bởi vì NB vừa thoát khỏi chiến tranh, quân đồng minh còn chiếm đóng ở NB. Nhiệm vụ của chế độ PLXH ở gđ này là nhằm tập trung bảo đảm cuộc sống tối thiểu cho người dân.
- Giai đoạn 1960-1973: Hệ thống PLXH cũ đã đảm bảo mức sống tối thiểu cho người dân nhưng nhu cầu sống của người dân Nhật Bản ngày càng tăng lên.
- Giai đoạn 1973 đến nay: Giai đoạn này Nhật Bản xây dựng mô hình “ NNPL kiểu NB”.

cuuduongthancong.com

c.2 Điều kiện văn hóa, xã hội

- Nho giáo nhấn mạnh vai trò của gia đình và mạng lưới phi chính thức trong việc cung cấp và chuyển giao phúc lợi. Mỗi người đều dựa vào bản thân (tự lập), có trách nhiệm lẫn nhau, sẵn sàng hỗ trợ gia đình và cộng đồng

-Đầu tư cho giáo dục phổ thông và giáo dục hướng nghiệp là xu hướng trung tâm trong chính sách xã hội

- Các nước khi ở trình độ phát triển kinh tế - xã hội thấp hơn so với các nước khác, muốn áp dụng mô hình Đông Á cần thực hiện những chương trình an sinh xã hội ngay từ bước đầu tiên.

- Phối hợp các chính sách kinh tế và chính sách xã hội để tạo ra môi trường tác có lợi giữa tăng trưởng kinh tế và phân phối phúc lợi trong những điều kiện, hoàn cảnh nhất định.

II.Mô hình phúc lợi xã hội ở Nhật Bản

1, Chính sách của chính phủ

- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Chính phủ Nhật Bản nỗ lực duy trì và nâng cao đời sống cho người dân trên cơ sở bảo đảm phúc lợi xã hội và y tế công cộng.Tất cả các

công dân đều có quyền được hưởng cuộc sống với mức tối thiểu về văn hóa và sức khỏe.

- Về cơ bản, chính sách an sinh xã hội của Nhật Bản trải qua bốn giai đoạn khác nhau:
 - + Giai đoạn cứu trợ khẩn cấp, hỗ trợ phát triển hạ tầng.
 - + Giai đoạn phát triển bảo hiểm y tế toàn dân và xây dựng hệ thống lương hưu.
 - + Giai đoạn phát triển ổn định và chú trọng an sinh xã hội.
 - + Giai đoạn cải cách hệ thống an sinh xã hội nhằm ứng phó với suy thoái kinh tế, thách thức về già hóa dân số và mức sinh thấp.
- Chính sách an sinh xã hội ở Nhật Bản là động lực cho tăng trưởng kinh tế, đây là mô hình an sinh xã hội có tính phổ cập, dựa vào nguyên tắc phân phối lại thu nhập, nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong việc cung cấp an sinh xã hội thông qua hệ thống bảo hiểm và trợ cấp xã hội.

Về tổng thể, hệ thống an sinh xã hội của Nhật Bản được cấu thành bởi bốn chính sách cơ bản:

a, Chính sách bảo hiểm xã hội:

- Bảo hiểm xã hội luôn là nội dung chủ yếu của hệ thống an sinh xã hội.
- Chính phủ Nhật Bản quy định các chế độ bảo hiểm bắt buộc nhằm cung cấp tài chính cho người tham gia khi họ bị ốm đau, thương tật, tàn tật, sinh con, chết, tuổi già, thất nghiệp và các sự kiện được bảo hiểm khác. Hiện nay, bảo hiểm hưu trí là chế độ quan trọng nhất trong chính sách bảo hiểm xã hội của Nhật Bản. Đây là chế độ đa tầng, với hai dạng cơ bản là hưu trí nhà nước và hưu trí tư nhân; được phân chia, xác định theo ba dạng khác nhau:
 - + Hưu trí cơ bản
 - + Hưu trí cho người làm công ăn
 - + Hưu trí tự nguyện

b, Chính sách bảo hiểm việc làm:

- Chức năng cơ bản của chính sách này là hỗ trợ tiền (lợi ích thất nghiệp) cho người làm công ăn lương trong trường hợp bị mất việc làm và giúp duy trì việc làm ổn định trong xã hội.
- Quỹ bảo hiểm việc làm ở Nhật Bản được hình thành trên cơ sở đóng góp của người lao động, chủ sử dụng lao động và ngân sách nhà nước

c, Chính sách bảo hiểm chăm sóc sức khỏe:

- Hai hình thức chủ yếu: Chế độ bảo hiểm y tế phổ cập và chế độ bảo hiểm chăm sóc lâu dài. Nhà nước Nhật Bản quy định người dân phải tham gia một trong hai loại hình bảo hiểm này.
- Hiện nay, 1 phần do những thay đổi về cơ cấu dân số, đặc biệt số lượng người cao tuổi ngày càng tăng khiến chi phí hằng năm dành cho bảo hiểm chăm sóc sức khỏe

của Nhật Bản tăng mạnh, ảnh hưởng đáng kể đến sự bền vững của hệ thống an sinh xã hội

d, Chính sách trợ giúp xã hội:

- Hình thức chủ yếu là trợ giúp công cộng và các dịch vụ xã hội để tương trợ cho những người yếu thế trong xã hội. Đối tượng được hưởng trợ giúp xã hội thường là những người không còn khả năng chống đỡ lại rủi ro trong cuộc sống.
- Chính phủ Nhật Bản tiến hành cải cách hệ thống an sinh xã hội, như phát triển chính sách thị trường lao động nhằm khuyến khích tạo việc làm và thu hút người lao động
➔ Vì thế, chính sách an sinh xã hội của Nhật Bản nhận được phản ứng tích cực của người dân.

2, Khó khăn, thách thức

- Chi phí để vận hành chính sách an sinh xã hội ở mức cao, đây vừa là gánh nặng cho ngân sách nhà nước, vừa tạo sức ì trong xã hội, không khuyến khích nâng cao năng suất lao động.
- Thêm nữa, chính sách an sinh xã hội rộng rãi dựa trên thuế thu nhập lũy tiến mặc dù có nhiều ưu điểm trong thực hiện công bằng xã hội, song cũng khiến một bộ phận chủ doanh nghiệp bất mãn, dẫn đến nhiều nguồn vốn đầu tư được chuyển ra nước ngoài, làm giảm động lực tăng trưởng trong nước... Điều này đã tạo sức ép rất lớn về xã hội đối với Chính phủ Nhật Bản trong quá trình cải cách hệ thống an sinh xã hội.

Câu 6: So sánh MHNPL Châu Âu lục địa với Đông Á

	Châu Âu lục địa	Đông Á
Giống	- Mục tiêu: nâng cao chất lượng cuộc sống - Nhà nước và thị trường có trách nhiệm toàn diện cho các vấn đề PLXH cơ bản - Điều có tính gia trưởng và tính nghiệp đoàn - Mức độ phi hàng hóa hóa sức lao động khá cao - Phân tầng xã hội cao - Tỷ lệ phụ nữ tham gia vào thị trường lao động thấp	
Chủ thuyết kinh tế	Kinh tế thị trường xã hội	Mô hình nhà nước phát triển, nhà nước độc đoán
Triết lý	Kết hợp sức mạnh nhà nước với thị trường đảm bảo hiệu quả kinh tế và công bằng xã hội	Phúc lợi phụ thuộc vào hiệu quả kinh tế: “tăng trưởng trước, phân phối sau”

Mức thuế	Mức thuế thu nhập khá cao so với mô hình tự do	Chi tiêu cho phúc lợi thấp, mức thuế tương đối thấp
Văn hóa	Chịu ảnh hưởng của Thiên Chúa giáo	Chịu ảnh hưởng của Nho giáo
Vai trò của tư nhân	Hệ thống bảo hiểm tư nhân chỉ đóng vai trò mờ nhạt do các nghiệp đoàn lao động cùng với nhà nước cung ứng các dịch vụ phúc lợi xã hội	Nguồn lực tài chính tư nhân và xã hội được nhà nước huy động để giải quyết vấn đề phúc lợi, điều này làm tăng trách nhiệm của chủ doanh nghiệp trong việc đảm bảo phúc lợi xã hội.
Vai trò của nhà nước	Nhà nước có trách nhiệm toàn diện cho các vấn đề phúc lợi cơ bản: từ việc cung cấp tài chính cho các chương trình phúc lợi đến việc đề ra những quy định cho việc đóng góp và chi trả phúc lợi xã hội.	Nhà nước không cung cấp tài chính cho các chương trình phúc lợi mà chỉ đề ra quy định điều tiết việc đóng góp và chi trả phúc lợi xã hội cho các công ty, người lao động.
Chế độ phân phối phúc lợi	Chế độ phúc lợi chủ yếu dựa vào bảo hiểm. Có các loại bảo hiểm khác nhau để phù hợp với từng đối tượng. Chế độ phúc lợi tương đối ổn định và công bằng đối với tất cả mọi người.	Các chương trình bảo hiểm xã hội chủ yếu dành cho lao động ở khu vực chính thức, bỏ sót nhiều đối tượng khác. Chế độ phúc lợi chủ yếu dành cho những người có thu nhập ổn định.
Chính sách phúc lợi đối với phụ nữ và trẻ em, người thất nghiệp	Các chính sách cho những đối tượng này rất tốt: + Trợ cấp thất nghiệp cao, tuổi nghỉ hưu là 60 tuổi. + Trợ cấp sinh con cao, học đại học miễn phí hoặc chi phí rất thấp và nhiều loại trợ cấp khác.	Các chính sách cho những đối tượng này rất hạn chế: +Phúc lợi cho người phụ nữ khi sinh con rất hạn chế. + Người mất việc làm phải dựa vào tiết kiệm của bản thân hoặc trợ giúp mang tính cá nhân/gia đình để tồn tại.

Theo cách phân loại của Esping Andersen

	Châu Âu Lục Địa	Đông Á
Mức độ phi hàng hóa sức lao động	Khá cao	Thấp
Phân tầng xã hội	Cao	Cao
Tỉ lệ nữ giới tham gia vào thị trường lao động	Thấp (Do tư tưởng của chế độ quân chủ	Thấp (Do tư tưởng của chế độ Nho

	chuyên chế, cho rằng người phụ nữ nên ở nhà chăm sóc gia đình)	giáo, cho rằng người phụ nữ nên ở nhà chăm sóc gia đình)
--	--	--

IV. Liên hệ Việt Nam

Mô hình Châu Âu lục địa

- Mọi công dân đều có quyền học tập nhưng việc đào tạo gắn với thị trường lao động như thế nào luôn là vấn đề và đây cũng chính là bài học tạo kiến nghị cho việc giải quyết tình trạng mất cân đối trong đào tạo nguồn nhân lực cho đất nước của Việt Nam. Phải chăng có thể làm theo cách của công hòa liên bang Đức: nhà nước có biện pháp giúp học sinh định hướng nghề nghiệp từ sớm thông qua các tổ chức xã hội, các phương tiện thông tin đại chúng bên cạnh việc phát triển hệ thống các trường dạy nghề tiêu chuẩn trong đó quan trọng nhất là. Trước mắt, Nhà nước có thể yêu cầu các công ty nhà nước, các công ty xây dựng hệ thống đào tạo ở các doanh nghiệp, khuyến khích sự gắn kết giữa các trường dạy nghề và các công ty lớn có trách nhiệm đào tạo nghề cho người lao động theo hình thức song song nhà trường đào tạo lý thuyết, doanh nghiệp đào tạo thực hành.

Từ mô hình Đông Á

- Thứ nhất, về chiến lược tổng thể quốc gia, ưu tiên tăng trưởng theo phương châm “tăng trưởng trước, phân phối sau” là lựa chọn của nhiều nước Đông Á trong giai đoạn đầu công nghiệp hóa,
- Hai là, cần vận dụng bài học của các nước Đông Á về cách phối hợp các chính sách kinh tế và chính sách xã hội để tạo ra môi trường tác có lợi giữa tăng trưởng kinh tế và phân phối phúc lợi trong những điều kiện, hoàn cảnh nhất định.
- Ba là, cần phát huy được truyền thống văn hóa phương Đông về tính tương trợ, đùm bọc lẫn nhau của gia đình và cộng đồng, tạo ra cơ chế phát huy tối đa tiềm năng và khả năng của mỗi cá nhân, mỗi cộng đồng và toàn xã hội
- Bốn là, cần đầu tư nhiều hơn cho phát triển nguồn nhân lực thông qua giáo dục và đào tạo.

Câu 7: So sánh MH NNPL Anglo-xason với Bắc Âu

1. Giống nhau

- Đảm bảo và ổn định được PLXH
- Điều đảm bảo tự do cạnh tranh

2. Khác nhau

	Mô hình nhà nước phúc lợi Anglo-Saxon	Mô hình nhà nước phúc lợi Bắc Âu
1. Chủ thuyết kt	Kinh tế thị trường tự do	Kinh tế thị trường xã hội (chủ nghĩa tự do mới)
2. Triết lý	Phúc lợi càng cao càng làm giảm động lực lao động	Xã hội hóa các chi phí của đời sống gia đình ngay từ đầu

3. Đặc trưng	- Thị trường đóng vai trò chủ đạo -Phúc lợi chủ yếu chỉ dành cho người nghèo, người yếu thế trong xã hội và nhà nước chỉ can thiệp khi các thành viên trong xã hội gặp rủi ro. - Mức thuế thấp - Mức độ phi hàng hóa SLĐ thấp - Phân tầng xã hội cao - Số lượng phụ nữ tham gia vào thị trường rất nhiều và lương thấp hơn nhiều so với nam giới nam giới	- Nhà nước đóng vai trò chủ đạo.Nhà nước là lực lượng chủ yếu đảm bảo phân phối phúc lợi. -Phúc lợi giành cho tất cả mọi người trong xã hội. Nguyên tắc của mô hình là sự bình đẳng và phổ cập toàn dân trong thụ hưởng phúc lợi xã hội - Mức thuế rất cao - Mức độ phi hàng hóa SLĐ cao hơn mô hình tự do anglo saxon - Phân tầng xã hội thấp - Phụ nữ được khuyến khích tham gia vào thị trường lao động, số lượng phụ nữ tham gia vào thị trường lao động nhiều và mức chênh thu nhập so với nam giới là thấp
4. Trụ cột chính (Mô hình chủ yếu được dựa trên 3 trụ cột chính)	Hưu trí giành cho người già, trợ cấp gia đình dựa vào hình thức thẩm tra tài sản và các dịch vụ chăm sóc sức khỏe.	An sinh xã hội, chăm sóc sức khỏe và giáo dục miễn phí
5. Rút ra những điểm khác biệt cơ bản	- Tập trung cho người nghèo và người yếu thế - Tạo thành các nhóm hưởng lợi - Quyết định trợ cấp chủ quan - Người hưởng lợi không phải nộp thuế - Phúc lợi mang hàm ý tiêu cực	- Dành cho mọi người với nhiều đặc điểm phức tạp hơn - Phổ cập phúc lợi toàn dân - Quyết định trợ cấp khách quan - Mọi người đều phải nộp thuế (kể cả người hưởng phúc lợi) - Phúc lợi mang hàm ý tích cực
6. Ưu điểm	- Khu vực tư nhân trở thành lực lượng bổ sung nòng cốt cho quỹ PLXH giúp chính phủ giảm bớt gánh nặng về tài chính -Đảm bảo sự phân phối PLXH đa dạng, nâng cao chất lượng phục vụ công cộng của chính phủ -Cạnh tranh trên thị trường cung ứng PLXH, mở rộng khả năng lựa chọn	-Công bằng, bình đẳng -Đời sống cơ bản của mỗi người dân luôn có sự đảm bảo cần thiết. -Xã hội yên ổn, tạo môi trường thuận lợi cho tăng trưởng và phát triển kinh tế.

	cho người thụ hưởng - Tạo và duy trì động lực lao động -Thẩm tra tài sản : đúng đối tượng cần trợ giúp	
7. Nhược điểm	-Khi nền kinh tế gặp khủng hoảng nhà nước không đủ tiềm lực để đảm bảo an sinh xã hội trong điều kiện kinh tế khó khăn -Phúc lợi của người lao động bị phụ thuộc quá nhiều vào thị trường, dẫn đến rủi ro cao -Gia tăng khoảng cách giàu nghèo và bất bình đẳng(phân tầng xã hội cao)	-Chi phí công cao -Thuế suất cao -Sự độc quyền của nhà nước trong cung ứng các dịch vụ phúc lợi xã hội cơ bản -Có thể làm giảm tự do cá nhân trong lựa chọn tiêu dùng -Tạo ra gánh nặng rất lớn cho nhà nước

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com